TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 46/2019/DS-PT.
Ngày 25/4/2019.
"V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất lâm nghiệp và kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Hà.

Các thẩm phán: Ông Bạch Đăng Thi.

Bà Phạm Thị Minh Hiền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Dương Đình Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân Tỉnh BG

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh BG***: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21/3/2019 và ngày 25/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh BG xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2018/TLPT-DS ngày 11/12/2018 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất lâm nghiệp và kiện đòi tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2018/DS-ST ngày 10/9/2018 của Toà án nhân dân Huyện SĐ có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐ-PT ngày 30/01/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐ-PT ngày 21/02/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngọc Thị D, sinh năm 1954.

Địa chỉ: thôn Mục, Xã DH, Huyện SĐ, Tỉnh BG (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Vi Văn B, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Thôn Mục, Xã DH, Huyện SĐ, Tỉnh BG (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Thôn Mục, Xã DH, Huyện SĐ, Tỉnh BG. (….. mặt)

3.2. Ông Vi Sỹ L, sinh năm 1941

Địa chỉ: Thôn Mục, Xã DH, Huyện SĐ, Tỉnh BG. (….. mặt)

3.3. Anh Vy Văn T1, sinh năm 1979, (…..mặt);

3.4. Chị Ngọc Thị X, sinh năm 1985 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Mục, Xã DH, Huyện SĐ, Tỉnh BG

3.5. Anh Vi Thế A, sinh năm 1984, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.6. Chị Vi Thị H, sinh năm 1986, (vắng mặt, Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Mục, Xã DH, Huyện SĐ, Tỉnh BG.

3.7. Chị Vi Thị L, sinh năm 1982,(….. mặt).

Địa chỉ: Thôn Nòn, thị trấn Thanh Sơn, Huyện SĐ, Tỉnh BG.

3.8. UBND Huyện SĐ, Tỉnh BG do ông Ngọc Minh Phụng, Trưởng phòng tài nguyên, môi trường Huyện SĐ đại diện theo ủy quyền, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 1, thị trấn An Châu, Huyện SĐ, Tỉnh BG.

4. Người kháng cáo: Ông Vi Văn B - Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/3/2018 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Ngọc Thị D trình bày:

Về nguồn gốc đất lâm nghiệp: Năm 2004 bà ký hợp đồng khoán chăm sóc, bảo vệ trồng rừng phòng hộ đầu nguồn trồng cây Thông xen cây Keo với Lâm trường 1 Huyện SĐ nay là Ban quản lý rừng phòng hộ Huyện SĐ, diện tích trồng cây Thông là 0,9ha thuộc lô e khoảnh 23 khu vực Cống Đầu, thôn Mục, Xã DH. Trong quá trình quản lý gia đình bà đã khai hoang thêm được một số đất lâm nghiệp ở liền kề, diện tích khai hoang thêm đã trồng cây Keo. Năm 2009 bà kê khai đo đạc diện tích đất lâm nghiệp đang quản lý, ngày 27/6/2013 UBND Huyện SĐ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BO 116865 đứng tên bà Ngọc Thị D thửa đất số 52, khoảnh 15 tiểu khu 160, thôn Mục, Xã DH diện tích 29.425m2, bao gồm diện tích đất lâm nghiệp được giao lô e khoảnh 23 và diện tích đất gia đình đã khai hoang được. Bà xác định mặc dù đất lâm nghiệp giao cho cá nhân bà nhưng gia đình bà vẫn sử dụng, quản lý chung diện tích đất lâm nghiệp bà được cấp.

Nguyên nhân xảy ra tranh chấp: Do lô 52 khoảnh 15 của bà và lô 42 khoảnh 15 của Ông B có cùng ranh giới. Trong quá trình quản lý sử dụng đất lâm nghiệp Ông B không xác định được ranh giới, nên đã lấn chiếm sang phần đất lâm nghiệp của bà được giao quản lý. Ban đầu theo đơn khởi kiện bà ước lượng gia đình Ông B lấn chiếm khoảng 1.444m2, sau khi Tòa án tiến hành thẩm định thì xác định được đất lâm nghiệp gia đình Ông B lấn chiếm là 2.153m2, do vậy bà đã làm đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung đề nghị gia đình Ông B phải trả diện tích đất lâm nghiệp

đang lấn chiếm là 2.153m2. Sự việc xảy ra tranh chấp ranh giới đất lâm nghiệp giữa bà và Ông B xảy ra từ năm 2013, chính quyền địa phương giải quyết, hòa giải nhiều lần nhưng giữa bà và Ông B không thỏa thuận được với nhau. Tháng 12/2017 gia đình Ông B khai thác số cây Thông trồng trên đất tranh chấp, tháng 5/2018 gia đình Ông B trồng phủ kín cây keo trên đất tranh chấp, ban đầu bà yêu cầu gia đình Ông B bồi thường 100 cây Thông là 50.000.000 đồng, sau khi tiến hành thẩm định và định giá bà yêu cầu Ông B bồi thường 98 cây Thông giá là 7.350.000 đồng. Về giá trị đất tranh chấp và cây Keo gia đình Ông B, vợ chồng Anh T1, Chị X trồng, bà và Ông B, Anh T1 không đề nghị xem xét định giá.

Nay bà yêu cầu gia đình Ông B phải trả bà diện tích đã lấn chiếm là 2.153m2 đất lâm nghiệp tại lô 52 khoảnh 15 tiểu khu 160, thôn Mục, Xã DH và đền bù giá trị 98 cây thông gia đình Ông B khai thác theo giá trị Hội đồng định giá xác định là 7.350.000 đồng, buộc gia đình Ông B và vợ chồng Anh T1, Chị X phải di chuyển cây Keo trồng trên đất tranh chấp. Bà đề nghị Ông B phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản mà bà đã nộp tạm ứng.

Đối với chị Vi Thị Quyên ban đầu bà xác định là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nhưng Chị Q đã đi lấy chồng từ năm 1992 và tách khẩu về nhà chồng nên không liên quan đến đất lâm nghiệp bà được cấp, bà đã có đơn đề nghị không đưa Chị Q vào là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Tại bản tự khai ngày 18/4/2018 và các lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Vi Văn Bộ trình bày:

Về nguồn gốc đất: Năm 2004 ông ký hợp đồng khoán chăm sóc, bảo vệ trồng rừng phòng hộ đầu nguồn trồng cây Thông xen cây Keo với Lâm trường 1 Huyện SĐ nay là Ban quản lý rừng phòng hộ Huyện SĐ, diện tích trồng cây Thông là 01ha (tức là 10.000m2) thuộc lô đ khoảnh 23 khu vực Cống Đầu, thôn Mục, Xã DH. Năm 2009 gia đình ông kê khai đo đạc diện tích đất đang quản lý, ngày 26/11/2012 UBND Huyện SĐ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BM 032672 đứng tên ông Vi Văn B thửa đất số 42, khoảnh 15 tiểu khu 160, thôn Mục, Xã DH diện tích 10.460m2. Mặc dù đất lâm nghiệp giao đứng tên Vi Văn B nhưng gia đình ông vẫn sử dụng chung. Ông xác định việc bà Ngọc Thị D yêu cầu ông phải trả 1.444m2 đất lâm nghiệp khi khởi kiện ban đầu và khởi kiện bổ sung là 2.153m2 đất lâm nghiệp, yêu cầu gia đình ông phải trả giá trị 98 cây Thông gia đình ông khai thác tháng 12/2017 là 7.350.000 đồng ông không nhất trí, nhưng ông không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của Bà D.

Nguyên nhân xảy ra tranh chấp: Do lô 42 khoảnh 15 của ông và lô 52 khoảnh 15 của Bà D có cùng gianh giới, nên Bà D cho rằng gia đình ông lấn chiếm đất lâm nghiệp và khai thác cây Thông của gia đình Bà D. Đất lâm nghiệp tranh

chấp phát sinh từ năm 2013, đến tháng 12/2017 gia đình ông khai thác cây Thông trồng trên đất và tháng 5/2018 ông và vợ chồng Anh T1 Chị X đã trồng phủ kín cây Keo trên đất tranh chấp. Ông B xác định đất lâm nghiệp gia đình ông quản lý và sử dụng đúng diện tích đã được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông là người được trực tiếp giao nhận đất nên biết chính xác gianh giới đất lâm nghiệp lô 42 và lô 52 khoảnh 15, nên ông xác định gia đình ông không lấn chiếm đất lâm nghiệp và khai thác cây Thông của bà Ngọc Thị D. Ông và Anh T1 không đề nghị Tòa án định giá cây Keo trồng trên đất tranh chấp, nếu Tòa án xác định đất tranh chấp là của Bà D thì gia đình ông sẽ di chuyển cây Keo trả lại đất cho Bà D, ông không đề nghị Tòa án xem xét định giá đất lâm nghiệp tranh chấp.

Ông xác định đất lâm nghiệp gia đình ông được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao quản lý, canh tác là hợp pháp, gia đình làm đúng vị trí đất theo lô, khoảnh được giao tại thực địa, nay Bà D khởi kiện cho rằng gia đình ông lấn chiếm đất 2.153m2 đất lâm nghiệp là không có căn cứ, yêu cầu ông phải đền bù giá trị 98 cây thông gia đình ông khai thác là 7.350.000 đồng ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện. Bà D yêu cầu ông chịu tiền chi phí thẩm định, định giá, chi phí đo đạc mà Bà D đã nộp tạm ứng tại Tòa án, ông không chấp nhận, việc khởi kiện Bà D yêu cầu thì Bà D phải tự chịu chi phí thẩm định, định giá và phí đo đạc.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 19/4/2018 và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vi Sỹ L trình bày: Ông là chồng bà Ngọc Thị D, ông xác định năm 2004 gia đình ông có nhận đất và trồng cây Thông của Lâm trường Huyện SĐ, diện tích là 09ha (9.000m2) thuộc lô e khoảnh 23 thôn Mục Xã DH. Trong quá trình quản lý sử dụng đất vợ chồng ông đã khai hoang đất liền kề và trồng cây keo. Ngày 27/6/2013 UBND Huyện SĐ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BO 116865 đứng tên bà Ngọc Thị D diện tích là 29.425m2 thửa đất số 52, khoảnh 15 tiểu khu 160, thôn Mục, Xã DH. Hiện mảnh đất này do vợ chồng ông đang quản lý.

Đất lâm nghiệp của gia đình ông và đất lâm nghiệp của gia đình Ông B có cùng gianh giới, khi chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hai gia đình vẫn canh tác. Năm 2013 khi gia đình ông và gia đình Ông B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình ông xác định gia đình Ông B đã làm lấn sang đất gia đình ông được giao, việc xảy ra tranh chấp từ năm 2013 đến nay, khoảng tháng 12/2017 gia đình Ông B khai thác cây Thông trồng trên đất tranh chấp do vậy Bà D có đơn yêu cầu khởi kiện. Ông nhất trí với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu bổ sung đơn khởi kiện của Bà D về việc đề nghị gia đình ông Vi Văn B phải trả vợ chồng ông diện tích đất lâm nghiệp đã lấn chiếm là 2.153m2, đền bù giá trị 98 cây thông gia đình Ông B khai thác là 7.350.000 đồng.

Tại các biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Vi Thị L; chị Vi Thị H, anh Vi Thế A đều trình bày: Các anh chị là con của bà Ngọc Thị D và ông Vi Sỹ L, thời điểm năm 2004 gia đình nhận đất lâm nghiệp trồng Thông thì các anh chị còn đi học nên không có công sức đóng góp trong việc trồng cây và quản lý đất, thời điểm đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2013 các anh chị đã lấy vợ, lấy chồng ra ở riêng. Do vậy các anh chị đều xác định bố mẹ anh chị là người khai hoang, trồng chăm sóc cây Thông, tài sản trong gia đình là do bố mẹ làm và quyết định. Các anh chị đều không có công sức đóng góp vào đất lâm nghiệp của bố mẹ.

Chị L, Chị H, Anh Thế A đều đề nghị không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi liên quan đến vụ án, các anh chị đều có ý kiến sẽ ủy quyền cho mẹ là bà Ngọc Thị D, mọi ý kiến trình bày của Bà D tại Tòa án các anh chị đều nhất trí.

Tại bản tự khai ngày 9/7/2018 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà là vợ ông Vi Văn B, việc bà Ngọc Thị D khởi kiện gia đình bà yêu cầu phải trả diện tích đất lâm nghiệp 1.444m2 và giá trị cây Thông trên đất tranh chấp gia đình bà khai thác tháng 12/2017 là 50.000.000 đồng bà không nhất trí. Vì gia đình bà sử dụng đúng mảnh đất được giao và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BM 032672 đứng tên ông Vi Văn B thửa đất số 42, khoảnh 15 tiểu khu 160, thôn Mục, Xã DH diện tích 10.460m2.

Đất lâm nghiệp của gia đình bà và gia đình Bà D giáp ranh nhau, nên Bà D cho rằng gia đình bà đã sử dụng sang đất lâm nghiệp gia đình Bà D. Do bà ốm đau, bệnh tật nên bà không thể đến Tòa án làm việc được, nên mọi ý kiến trình bày của Ông B tại Tòa án bà đều nhất trí và đó cũng là ý kiến của bà.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/4/2018 và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Vy Văn T1 trình bày: Anh là con của ông Vi Văn B và bà Nguyễn Thị T, năm 2004 anh kết hôn với chị Ngọc Thị X. Đối với việc bà Ngọc Thị D tranh chấp đất lâm nghiệp với bố mẹ anh thì anh có biết vì đất của hai hộ giáp ranh nhau nên mới có sự tranh chấp xảy ra, năm 2004 Ông B nhận 1,0ha đất trồng rừng của Lâm trường Sơn Động, đến ngày 26/11/2012 UBND Huyện SĐ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BM 032672 diện tích 10.460m2 thửa đất số 42, khoảnh 15 tiểu khu 160, thôn Mục, Xã DH đứng tên ông Vi Văn B.

Hiện tại mảnh đất của gia đình anh do bố mẹ anh quản lý, vợ chồng anh cùng bố mẹ trồng cây Keo trên đất vào tháng 5/2018, vợ chồng anh trồng cây Keo đúng phần đất mà bố anh được giao. Bà D yêu cầu bố anh phải trả diện tích đất lâm nghiệp đang tranh chấp là 2.153m2 là không đúng. Đối với số cây Keo đang

trồng trên diện tích đất tranh chấp 2.153m2 nếu Tòa án xác định đất là của gia đình Bà D thì vợ chồng anh cùng bố mẹ sẽ di chuyển cây Keo trả đất cho Bà D, nên khi tiến hành định giá tài sản, anh và bố anh là Ông B đều không yêu cầu định giá cây Keo trồng trên đất tranh chấp.

Tại bản tự khai ngày 9/7/2018 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Ngọc Thị X trình bày: Năm 2004 chị xây dựng gia đình với anh Vy Văn T1, từ năm 2004 chị cùng gia đình chồng khai thác, quản lý đất lâm nghiệp, trong đó cả phần hiện Bà D đang khởi kiện ông Vi Văn B, do vậy chị không nhất trí với yêu cầu của Bà D kiện đòi gia đình Ông B trả 1.444m2 đất lâm nghiệp và giá trị 100 cây Thông là 50.000.000 đồng. Chị là con dâu nên trong gia đình chồng thì bố mẹ chồng và chồng chị là Anh T1 quyết định, chị chỉ làm theo sự chỉ đạo của gia đình chồng, mọi ý kiến của bố mẹ chồng là Ông B, Bà T và chồng chị Anh T1 trình bày tại Tòa án chị đều nhất trí.

Tại biên bản ghi lời khai người làm chứng ngày 24/8/2018 ông Ngọc Văn Hát trình bày: Ông là hàng xóm và là họ hàng anh em với Ông B Bà D, gia đình ông có đất lâm nghiệp giáp ranh, liền kề với với đất lâm nghiệp của gia đình Ông B. Ông Hát xác định không biết đất lâm nghiệp của Ông B và Bà D được giao đến đâu, cây Thông trồng trên đất là của ai trồng, cuối năm 2017 ông có biết gia đình Ông B khai thác cây Thông trên diện tích đất tranh chấp. Ngày 20/01/2018 ông có xác định Ông B trồng cây Thông trên đất tranh chấp là không đúng mà cây Thông gia đình Ông B khai thác tháng 12/2017 không biết do Ông B Hay Bà D trồng.

Tại biên bản ghi lời khai người làm chứng ngày 27/8/2018 ông Mè Văn Cầu trình bày: Ông là hàng xóm với Ông B Bà D, gia đình ông có đất lâm nghiệp giáp ranh, liền kề với với đất lâm nghiệp của gia đình Bà D, Ông B ở khu vực Đồng Trình, Cồng Đẩu, thôn Mục, Xã DH. Ông Cầu xác định không biết đất lâm nghiệp của Ông B và Bà D được giao đến đâu. Đối với cây Thông trồng trên đất tranh chấp năm 2004 ông thấy Ông B là người chăm sóc, quản lý đến tháng 12/2017 thì khai thác, do vậy ông xác định Ông B là người trồng cây Thông trên đất tranh chấp.

Tại biên bản làm việc ngày 17/8/2018 UBND Xã DH, Huyện SĐ xác định: Đất lâm nghiệp của ông Vi Văn B và bà Ngọc Thị D đều là đất trồng theo dự án 661, trồng cây Thông thuê cho Lâm trường Huyện SĐ, nay là ban quản lý rừng phòng hộ Huyện SĐ. Năm 2009 UBND Huyện SĐ giao cho Hạt kiểm lâm Huyện SĐ tham mưu giao đất, giao rừng cho các hộ dân, sau đó đề nghị UBND Huyện SĐ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân, hồ sơ cấp đất cho các hộ dân hiện UBND xã không lưu giữ.

Địa phương xác định diện tích đất tranh chấp 2.153m2 giữa Bà D và Ông B nằm trong lô 52 khoảnh 15 thôn Mục, Xã DH được cấp cho bà Ngọc Thị D. Đối với 98 cây Thông trên đất tranh chấp địa phương xác định là do Ông B trồng, không phải của Bà D trồng.

Tại biên bản làm việc ngày 31/8/2018 đại diện Ban quản lý rừng phòng hộ Huyện SĐ xác định: Theo hồ sơ thiết kế trồng rừng phòng hộ năm 2004 dự án 661, đất lâm nghiệp của ông Vi Văn B được giao ở lô đ khoảnh 23 diện tích 1,0ha và bà Ngọc Thị D được giao ở lô e khoảnh 23 diện tích 0,9ha để trông cây Thông. Khi giao đất rừng cho các hộ dân có được đo đạc và giao tại thực địa, có bản đồ thiết kế. Theo quyết định số: 461 ngày 29/3/2007 của UBND Tỉnh BG thì khoảnh 23 thôn Mục, Xã DH thuộc quy hoạch rừng sản xuất, cây Thông trồng theo dự án các hộ dân được hưởng, ai quản lý đến đâu thì được khai thác đến đó.

Đất lâm nghiệp được giao các hộ dân trồng và bảo vệ rừng thì các hộ dân tự quản lý, sử dụng. Đến thời điểm nào các hộ dân kê khai đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Ban quản lý rừng phòng hộ không biết vì không được quản lý. Do bản đồ thiết kế trồng rừng khác với bản đồ giao đất rừng sản xuất, nên khi giao đất trồng rừng là lô đ, lô e khoảnh 23, còn khi giao đất rừng sản xuất là lô 52, lô 42 khoảnh 15. Nhưng vị trí đất giữa hai bản đồ là giống nhau, các hộ dân được hưởng cây Thông trồng theo dự án 661, không thuộc trách nhiệm của Ban quản lý rừng phòng hộ.

Tại công văn trả lời số: 1056/UBND-NC ngày 6/9/2018 của UBND Huyện SĐ, Tỉnh BG có quan điểm như sau:

1. Khi giao đất lâm nghiệp cho bà Ngọc Thị D và ông Vi Văn B được thực hiện, đo đạc bằng máy định vị GPS, nhưng không cắm mốc giới, khi thực hiện việc đo đạc có gọi chủ sử dụng đất và các hộ giáp ranh có liên quan đến để thực hiện việc đo đạc, ranh giới được quản lý bằng các mốc tọa độ giao trên thực địa theo bản đồ cấp đất và hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Lý do lô 52 khoảnh 15 giao cho Bà D diện tích đo đạc thực tế thừa 214m2 so với diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; lô 42 khoảnh 15 giao cho Ông B diện tích đo đạc thừa 84m2 so với ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng. UBND huyện xác định là do sự sai số giữa hai lần đo đạc, nhưng tọa độ giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai hộ trên đúng theo ranh giới, vị trí đất được giao theo bản đồ quản lý về đất đai. Về diện tích đất thừa không xác định được vị trí nào của mảnh đất, vị trí đất thừa tăng lên không nằm trong vị trí đất hai bên tranh chấp.

3. Đối với diện tích đất thừa so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bà D và Ông B thì thấy diện tích đất thừa của hai hộ vẫn nằm trong tọa độ, vị trí

mà hai hộ được cấp giấy chứng nhận quyền dụng đất, nếu sau này Bà D Ông B yêu cầu, sau khi đo đạc lại sẽ điều chỉnh diện tích đất theo thực tế các gia đình đang quản lý sử dụng.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018 Toà án cùng các cơ quan chuyên môn đã xem xét thẩm định tại chỗ ranh giới lô 52 khoảnh 15 và lô 42 khoảnh 15; thẩm định lô 42 khoảnh 15 và lô 52 khoảnh 15 trên cơ sở các bên đương sự chỉ dẫn đối chiếu với sơ đồ Giấy chứng nhận được cấp cho Ông B và cấp cho Bà D tại thôn Mục, Xã DH, hình thức đo đạc thẩm định bằng máy định vị GPS. Định giá tài sản là cây Thông đã khai thác trên diện tích đất tranh chấp.

Đất lâm nghiệp bà Ngọc Thị D thuộc lô 52 khoảnh 15 thôn Mục, Xã DH có các điểm: Từ điểm 1 nối tới điểm 32; từ điểm 32 nối tới điểm 31; từ điểm 31 nối tới điểm 4a; từ điểm 4a nối qua các điểm 10, 16, đến điểm 17; từ điểm 17 nối quan điểm 19 đến điểm 20; từ điểm 20 nối qua các điểm 21, 22, 23 đến điểm 1 (Tọa độ các điểm có trong sơ đồ đất tranh chấp tại bút lục 105 và 107). Tổng diện tích đo thực tế là 29.639m2.

Đất lâm nghiệp ông Vi Văn B thuộc lô 42 khoảnh 15 thôn thôn Mục, Xã DH từ điểm 4a nối tới điểm 27; từ điểm 27 nối qua các điểm 28, 29 đến điểm 30; từ điểm 30 nối tới điểm 17; từ điểm 17 nối qua các điểm 16,10 đến điểm 4a (Tọa độ các điểm có trong sơ đồ đất tranh chấp tại bút lục 105 và 107). Tổng diện tích đo thực tế là 10.544m2.

Đất lâm nghiệp Bà D và Ông B tranh chấp: Từ điểm 10 nối qua điểm 16 đến điểm 17; từ điểm 17 nối đến điểm 18; từ điểm 18 nối qua điểm 24 đến điểm 25; từ điểm 25 nối qua điểm 26 đến điểm 10 (Tọa độ các điểm có trong sơ đồ đất tranh chấp tại bút lục 105 và 107). Diện tích đất tranh chấp 2.153m2.

Đối chiếu với sơ đồ đất tranh chấp và kết quả thẩm định thì lô 52 và lô 42 đều trong khoảnh 15 thôn Mục, Xã DH. Ranh giới đất lâm nghiệp giữa lô số 42 và lô 52 được xác định từ điểm 4a kéo một đường thẳng về hướng Đông qua các điểm 10, 16 đến điểm 17 dài 124,3m là đường gianh giới. Xác định diện tích đất tranh chấp là 2.153m2 gia đình Ông B đang quản lý, canh tác nằm trong lô 52, khoảnh 15 thôn Mục, Xã DH của Bà D.

Về định giá tài sản: Trên đất tranh chấp gia đình Bộ đang quản lý: Diện tích 2153m2 đang trồng cây Keo từ tháng 5/2018. Bà D, Ông B và Anh T1 không đề nghị định giá cây Keo trồng trên đất tranh chấp, không yêu cầu định giá đất tranh chấp. Hội đồng định giá xác định trên đất tranh chấp đếm được 98 gốc thông trồng từ năm 2004, nhưng phát triển không đồng đều, đường kính từ 12cm đến 30cm, hai bên đương sự thống nhất giá là 75.000 đồng/cây; 98 cây x 75.000đồng = 7.350.000 đồng.

Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2018/DS-ST ngày 10/9/2018 của Toà án nhân dân Huyện SĐ đã quyết định:

Áp dụng Điều 138; Điều 164; Điều 166; Điều 175 Bộ luật dân sự 2015. Khoản 1 Điều 147, Điều 157; Điều 165; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 100; Điều 105, khoản 1 Điều 135; Điều 166; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngọc Thị D.

[2] Buộc vợ chồng ông Vi Văn B, bà Nguyễn Thị T phải trả bà Ngọc Thị D toàn bộ đất lâm nghiệp tranh chấp diện tích là 2.153m2 thuộc lô 52 khoảnh 15 tiểu khu 160, thôn Mục, Xã DH; có các điểm từ điểm 10 nối qua điểm 16 đến điểm 17; từ điểm 17 nối đến điểm 18; từ điểm 18 nối qua điểm 24 đến điểm 25; từ điểm 25 nối qua điểm 26 đến điểm 10. (Có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

- Buộc ông Vi Văn B, vợ chồng anh Vy Văn T1, chị Ngọc Thị X di dời toàn bộ cây Keo trồng trên đất lâm nghiệp tranh chấp để trả đất cho bà Ngọc Thị D.

Gianh giới đất lâm nghiệp giữa lô 42 khoảnh 15 và lô 52 khoảnh 15 tiểu khu 160 thôn Mục, Xã DH, Huyện SĐ, Tỉnh BG được xác định như sau: Từ điểm 4a kéo theo hướng Đông qua các điểm 10,16 đến điểm 17 dài 124,3m.

- Không chấp nhận yêu cầu của Bà D buộc vợ chồng Ông B, Bà T trả bà giá trị 98 cây Thông trồng năm 2004 gia đình Ông B khai tháng tháng 12/2017 trị giá là 7.350.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 24/9/2018, ông Vi Văn B là bị đơn kháng cáo, Ông B được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Nội dung kháng cáo Tòa án nhân dân Huyện SĐ tuyên buộc gia đình ông phải trả cho vợ chồng bà Ngọc Thị D toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp 2.153m^2 thuộc lô 52 khoảnh 52, khoảnh 15 thuộc tiểu khu 160, thôn Mục, Xã DH, Huyện SĐ, Tỉnh BG là không đúng. Vì diện tích đất tranh chấp này là đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà ông. Ngoài ra, bản án buộc vợ chồng ông phải trả chi phí đo đạc, chi phí định giá là 7.650.000đồng là không đúng.

Tại phiên Toà phúc thẩm, nguyên đơn là bà Ngọc Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông B là bị đơn không rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

* Bà D trình bày: Bà không chấp nhận kháng cáo của Ông B. Đề nghị xác định toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp 2.153m^2 thuộc lô 52 khoảnh 52, khoảnh 15

thuộc tiểu khu 160, thôn Mục, Xã DH, Huyện SĐ, Tỉnh BG là của gia đình bà và buộc gia đình Ông B phải trả cho bà diện tích trên.

* Bị đơn là ông Vi Văn B trình bày: Ông không đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm, buộc gia đình ông phải trả vợ chồng bà Ngọc Thị D toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp 2.153m^2 và buộc ông phải trả chi phí đo đạc, chi phí định giá.

Ngày 21/3/2019, Hội đồng xét xử phúc thẩm hoãn phiên tòa để làm rõ nội dung của sơ đồ thửa đất.....tại biên bản xác minh.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh BG phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Vi Văn B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Buộc vợ chồng ông Vi Văn B, bà Nguyễn Thị T phải trả bà Ngọc Thị D toàn bộ đất lâm nghiệp tranh chấp diện tích là 2.153m2 thuộc lô 52 khoảnh 15 tiểu khu 160, thôn Mục, Xã DH; có các điểm từ điểm 10 nối qua điểm 16 đến điểm 17; từ điểm 17 nối đến điểm 18; từ điểm 18 nối qua điểm 24 đến điểm 25; từ điểm 25 nối qua điểm 26 đến điểm 10. (Có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

Buộc ông Vi Văn B, vợ chồng anh Vy Văn T1, chị Ngọc Thị X di dời toàn bộ cây Keo trồng trên đất lâm nghiệp tranh chấp để trả đất cho bà Ngọc Thị D.

Gianh giới đất lâm nghiệp giữa lô 42 khoảnh 15 và lô 52 khoảnh 15 tiểu khu 160 thôn Mục, Xã DH, Huyện SĐ, Tỉnh BG được xác định như sau: Từ điểm 4a kéo theo hướng Đông qua các điểm 10,16 đến điểm 17 dài 124,3m.

Không chấp nhận yêu cầu của Bà D buộc vợ chồng Ông B, Bà T trả bà giá trị 98 cây Thông trồng năm 2004 gia đình Ông B khai tháng tháng 12/2017 trị giá là 7.350.000 đồng.

Ông B được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh BG. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T, anh Vy Văn T1, chị Ngọc Thị X, anh Vi Thế A, chị Vi Thị H, chị Vy Thị Lan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; Ủy ban nhân dân Huyện SĐ có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Bà T, Anh T1, Chị X, chị Thế Anh, Chị H và Ủy ban nhân dân Huyện SĐ.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của ông Vi Văn B với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc gia đình ông phải trả gia đình Bà D toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp 2.153m^2 thuộc lô 52, khoảnh 15, thuộc tiểu khu 160, thôn Mục, Xã DH, Huyện SĐ là không đúng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối chiếu các tài liệu, chứng cứ mà các bên đương sự cung cấp, các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án cũng như quá trình tranh tụng tại phiên tòa của các bên đương sự thì thấy: Bà Ngọc Thị D và ông Vi Văn B đều được Lâm trường 1 Huyện SĐ giao đất rừng phòng hộ để trồng cây Thông theo dự án 661 năm 2004. Năm 2009 Bà D và Ông B kê khai đất lâm nghiệp và làm hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng trình tự, thủ tục quy định của luật đất đai. Nguyên nhân xảy ra tranh chấp do đất lâm nghiệp của 2 bên gia đình có cùng ranh giới, sau khi được giao đất lâm nghiệp các hộ gia đình không phân định mốc giới rõ ràng, dẫn đến khi canh tác không thể xác định được gianh giới chính xác. Sau khi thẩm định, căn cứ vào biên bản thẩm định và trong bản đồ hồ sơ giao đất thì diện tích đất lâm nghiệp có tranh chấp là 2.153m2 đang nằm trong diện tích đất lâm nghiệp được giao cho bà Ngọc Thị D thuộc lô 52 khoảnh 15 tiểu khu 160, thôn Mục, Xã DH. Do vậy yêu cầu kháng cáo của Ông B là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Đối với kháng cáo của Ông B về việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng bà phải trả phí đo đạc, chi phí định giá là 7.650.000đồng là không đúng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào khoản 1 Điều 164 Bộ luật tố tụng dân sự quy định " Đương sự phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận", khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "đương sự phải chịu chi phí định giá tài sản nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận" Do vậy, kháng cáo của Ông B là không có căn cứ. Bà D được nhận lại số tiền 7.650.000đồng khi Ông B nộp.

[3]. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được miễn nộp theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Vi Văn B. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xử:

Căn cứ Điều 138; Điều 164; Điều 166; Điều 175 Bộ luật dân sự 2015. Khoản 1 Điều 147, Điều 157; Điều 165; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 100; Điều 105, khoản 1 Điều 135; Điều 166; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngọc Thị D.

2. Buộc vợ chồng ông Vi Văn B, bà Nguyễn Thị T phải trả bà Ngọc Thị D toàn bộ đất lâm nghiệp tranh chấp diện tích là 2.153m2 thuộc lô 52 khoảnh 15 tiểu khu 160, thôn Mục, Xã DH; có các điểm từ điểm 10 nối qua điểm 16 đến điểm 17; từ điểm 17 nối đến điểm 18; từ điểm 18 nối qua điểm 24 đến điểm 25; từ điểm 25 nối qua điểm 26 đến điểm 10. (Có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

- Buộc ông Vi Văn B, vợ chồng anh Vy Văn T1, chị Ngọc Thị X di dời toàn bộ cây Keo trồng trên đất lâm nghiệp tranh chấp để trả đất cho bà Ngọc Thị D.

Ranh giới đất lâm nghiệp giữa lô 42 khoảnh 15 và lô 52 khoảnh 15 tiểu khu 160 thôn Mục, Xã DH, Huyện SĐ, Tỉnh BG được xác định như sau: Từ điểm 4a kéo theo hướng Đông qua các điểm 10,16 đến điểm 17 dài 124,3m.

3. Không chấp nhận yêu cầu của Bà D buộc vợ chồng Ông B, Bà T trả bà giá trị 98 cây Thông trồng năm 2004 gia đình Ông B khai tháng tháng 12/2017 trị giá là 7.350.000đồng.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Ngọc Thị D và ông Vi Văn B.

- Án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Vi Văn B.

5. Phí đo đạc, chi phí định giá: Vợ chồng Ông B, Bà T phải trả Bà D số tiền phí đo đạc và chi phí định giá tổng cộng là 7.650.000 đồng (Bảy triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Huyện SĐ;
- VKSND Tỉnh BG;
- Chi cục THADS Huyện SĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Hà